

QUY CHẾ HỌC VỤ THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ

(Ban hành kèm theo Quy định số 962/2013/QĐ-TĐT ngày 15 tháng 08 năm 2013)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng:

1. Quy chế này quy định đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Trường đại học Tôn Đức Thắng, bao gồm: tổ chức đào tạo, đánh giá môn học, xét và công nhận tốt nghiệp.
2. Quy chế này áp dụng đối với sinh viên các khóa đào tạo chính quy, trình độ đại học và cao đẳng từ khóa tuyển sinh 2008 trở về sau tại Trường đại học Tôn Đức Thắng (sau đây gọi tắt là trường) thực hiện theo hình thức tích lũy tín chỉ.

Điều 2. Chương trình đào tạo:

Chương trình đào tạo (CTĐT) của Trường đại học Tôn Đức Thắng được xây dựng trên cơ sở chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Chương trình này đảm bảo cơ cấu nội dung các môn học, thời gian đào tạo, tỷ lệ phân bổ thời gian giữa các môn học khoa học cơ bản, cơ sở và chuyên ngành, giữa lý thuyết và thực hành, thực tập nhằm giúp sinh viên nắm vững các kiến thức giáo dục đại cương và các kiến thức, kỹ năng cơ sở của ngành và liên ngành đúng theo yêu cầu đào tạo trình độ đại học, cao đẳng chính quy.

Chương trình đào tạo gồm hai khối kiến thức:

- **Kiến thức giáo dục đại cương:** là kiến thức của những môn học khoa học cơ bản vừa có tính chất đại cương của trình độ đại học, cao đẳng vừa có tính chất nền tảng cho việc đào tạo chuyên ngành. Phần kiến thức này chủ yếu được giảng dạy ở ba học kỳ đầu của khóa học.
- **Kiến thức giáo dục chuyên ngành:** là kiến thức của những môn học khoa học chuyên ngành, trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng của một ngành đào tạo mà họ đã chọn để đạt trình độ Kỹ sư hoặc Cử nhân, tùy theo ngành. Phần kiến thức này được giảng dạy trên cơ sở nền tảng của phần kiến thức giáo dục đại cương.

Điều 3. Tín chỉ:

Tín chỉ được sử dụng để tính khối lượng học tập của sinh viên. Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết và 30 giờ chuẩn bị bài ở nhà; 30 tiết thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận và 30 giờ tự học, tự nghiên cứu.

Hiệu trưởng sẽ quy định cụ thể số tiết, số giờ giảng đối với từng môn học cho phù hợp với đặc điểm của từng ngành đào tạo.

Điều 4. Môn học:

Môn học là đơn vị cấu thành của chương trình đào tạo, gồm tập hợp những tri thức về một lĩnh vực chuyên môn và được tổ chức giảng dạy trọn vẹn trong một học kỳ. Hoạt động học tập giảng dạy của một môn học bao gồm một hay kết hợp một số trong các hình thức sau:

- Giảng dạy lý thuyết – tổ chức thành các lớp môn học;
- Giảng dạy, hướng dẫn thực hành, bài tập – tổ chức theo lớp hay theo từng nhóm;
- Giảng dạy thí nghiệm, thực hành tại phòng thí nghiệm, xưởng;
- Hướng dẫn thực tập, thực tập tốt nghiệp tại các cơ sở bên ngoài;
- Hướng dẫn đồ án, tiểu luận và luận văn tốt nghiệp theo từng đề tài.

Môn học có mã số riêng và số tín chỉ hoàn toàn xác định. Một số môn học có các môn tiên quyết, môn học trước hay môn học song hành (xem định nghĩa ở phần tiếp sau).

Mỗi môn học đều có đề cương chi tiết thể hiện các nội dung: giới thiệu tóm tắt môn học; các môn học tiên quyết, môn học trước, môn học song hành; cách đánh giá môn học; nội dung chính các chương mục; các giáo trình, tài liệu tham khảo;... Đề cương chi tiết được Hiệu trưởng phê duyệt và công bố cùng với chương trình đào tạo. Nội dung đề cương chi tiết được giảng viên thông báo tới người học trong buổi học đầu tiên của môn học.

Môn học bắt buộc

Đây là các môn học trong chương trình đào tạo chứa đựng những nội dung chính yếu của ngành và chuyên ngành đào tạo mà sinh viên bắt buộc phải hoàn tất đạt yêu cầu để được xét tốt nghiệp.

Môn học bắt buộc theo lựa chọn chuyên ngành hoặc hướng chuyên môn

Đây là các môn học trong chương trình đào tạo chứa đựng những nội dung cơ bản của một chuyên ngành hay hướng chuyên môn, mà tất cả các sinh viên sau khi lựa chọn hoặc được phân vào chuyên ngành đào tạo tương ứng đều bắt buộc phải hoàn tất đạt yêu cầu để được xét tốt nghiệp.

Môn học và nhóm môn học tự chọn

Đây là các môn học trong chương trình đào tạo chứa đựng những nội dung cần thiết cho định hướng nghề nghiệp mà sinh viên có thể lựa chọn đăng ký học. Môn học tự chọn được xếp theo từng nhóm. Để đủ điều kiện tốt nghiệp, sinh viên phải hoàn tất đạt yêu cầu một số môn học nhất định trong từng nhóm nhằm tích lũy đủ số tín chỉ tối thiểu quy định cho nhóm môn học tự chọn tương ứng. Đối với một môn học tự chọn nếu không đạt, sinh viên có quyền chọn đăng ký học lại chính môn học đó hoặc lựa chọn môn học tự chọn khác cùng nhóm để đảm

bảo tích lũy đủ số tín chỉ. Sinh viên không nhất thiết phải học lại môn học tự chọn chưa đạt nếu đã tích lũy đủ số tín chỉ của nhóm.

Môn học thay thế, môn học tương đương

Môn học tương đương được hiểu là một hay một nhóm các môn học thuộc CTĐT một khóa-ngành khác đang tổ chức đào tạo tại trường được phép tích lũy để thay cho một môn hay một nhóm môn học trong CTĐT của ngành đào tạo.

Khái niệm môn học thay thế được sử dụng khi một môn học có trong CTĐT nhưng nay không còn tổ chức giảng dạy nữa và được thay thế bằng một môn học khác đang còn tổ chức giảng dạy. Các môn học hay nhóm các môn học thay thế hoặc tương đương do khoa quản lý chuyên môn đề xuất và là các phần bổ sung cho CTĐT trong quá trình vận hành. Môn học thay thế hoặc tương đương được áp dụng cho tất cả các khóa, các ngành hoặc chỉ được áp dụng hạn chế cho một số khóa-ngành.

Môn học tiên quyết

Môn học A là môn học tiên quyết của môn học B, khi điều kiện bắt buộc để đăng ký học môn học B là sinh viên đã đăng ký học và hoàn tất đạt môn học A (theo thang điểm đánh giá trong Chương 4 của quy chế này).

Môn học trước

Môn học A là môn học trước của môn học B, khi điều kiện bắt buộc để đăng ký học môn học B là sinh viên đã đăng ký và được xác nhận học xong môn học A (có thể chưa đạt). Sinh viên được phép đăng ký học môn học B vào học kỳ tiếp sau học kỳ đã học môn học A.

Môn học song hành

Môn học A là môn học song hành của một môn học B, khi điều kiện bắt buộc để đăng ký học môn học B là sinh viên đã đăng ký học môn học A. Sinh viên được phép đăng ký học môn học B vào cùng học kỳ đã đăng ký của môn học A hoặc vào các học kỳ tiếp sau.

Điều 5. Thời gian hoạt động giảng dạy:

Thời gian hoạt động giảng dạy của trường được tính từ 6h50 đến 21h00 hằng ngày. Tùy theo tình hình thực tế của trường, Hiệu trưởng quy định cụ thể thời gian hoạt động giảng dạy của trường.

Tùy theo số lượng sinh viên, số lớp học cần tổ chức và điều kiện cơ sở vật chất của trường, Phòng đào tạo sắp xếp thời khóa biểu hàng ngày cho các lớp.

Chương II

TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

Điều 6. Thời gian và kế hoạch đào tạo:

1. Trường tổ chức đào tạo theo khoá học, năm học và học kỳ.

a) Khóa học là thời gian thiết kế để sinh viên hoàn thành một chương trình cụ thể. Tùy thuộc chương trình, khóa học được quy định như sau:

- Đào tạo trình độ cao đẳng được thực hiện từ hai đến ba năm học tùy theo ngành nghề đào tạo đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông;
- Đào tạo trình độ đại học được thực hiện từ bốn đến sáu năm tùy theo ngành nghề đào tạo đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông;

b) Một năm học có hai học kỳ chính, mỗi học kỳ chính có 15 tuần thực học và từ 2 đến 4 tuần thi. Ngoài hai học kỳ chính, Hiệu trưởng xem xét quyết định tổ chức thêm các học kỳ phụ: như học kỳ hè và học kỳ dự thính để sinh viên có điều kiện được học lại; học bù hoặc học vượt. Mỗi học kỳ phụ có ít nhất 7 tuần thực học và 1 tuần thi.

2. Căn cứ vào khối lượng và nội dung kiến thức tối thiểu quy định cho các chương trình, Hiệu trưởng dự kiến phân bổ số môn học cho từng năm học, từng học kỳ.

3. **Thời gian tối đa** hoàn thành chương trình bao gồm: thời gian thiết kế cho chương trình quy định tại khoản 1 của Điều này, ***cộng với 4 học kỳ đối với các khoá học từ 3 năm trở xuống; 6 học kỳ đối với các khoá học trên 3 năm đến 4 năm; và 7 học kỳ đối với các khoá học trên 4 năm.***

4. Sinh viên còn nợ chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất, nhưng đã hết thời gian tối đa được phép học, trong thời hạn 5 năm tính từ ngày phải ngừng học, được trở về trường để trả nợ để có đủ điều kiện xét tốt nghiệp.

5. Các đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy không bị hạn chế về thời gian tối đa để hoàn thành chương trình.

Điều 7. Đăng ký nhập học:

1. Khi đăng ký vào học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại trường, sinh viên phải nộp đầy đủ giấy tờ theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Tất cả giấy tờ khi sinh viên nhập học phải được xếp vào túi hồ sơ của từng cá nhân do phòng Công tác học sinh - sinh viên của trường quản lý.

2. Sau khi xem xét thấy đủ điều kiện nhập học, Phòng đào tạo trình Hiệu trưởng ký quyết định công nhận người đến học là sinh viên chính thức của trường.

3. Mọi thủ tục đăng ký nhập học phải được hoàn thành trong thời hạn theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành.

4. Sinh viên nhập học phải được trường cung cấp đầy đủ các thông tin về mục tiêu, nội dung và kế hoạch học tập của các chương trình, chương trình đào tạo, quy chế đào tạo, nghĩa vụ và quyền lợi của sinh viên.

Điều 8. Lớp môn học và điều kiện mở lớp:

Lớp môn học là lớp của các sinh viên cùng đăng ký một môn học, có cùng thời khoá biểu của môn học trong cùng một học kỳ. Mỗi lớp môn học được gán một mã số riêng, số lượng sinh viên của một lớp môn học được giới hạn bởi sức chứa của phòng học/phòng thí nghiệm hoặc được sắp xếp theo các yêu cầu riêng đặc thù của môn học.

Số lượng tối thiểu để xem xét mở lớp môn học trong học kỳ tùy theo từng chuyên ngành dựa trên công bố của Phòng Tài chính.

Các môn học đồ án bao gồm cả khóa luận tốt nghiệp, các môn thí nghiệm, thực tập được mở theo khả năng sắp xếp đảm nhận của đơn vị chuyên môn, các phòng thí nghiệm.

Điều 9. Lớp biên chế và Giảng viên cố vấn (GVCV):

Lớp biên chế được tổ chức theo Quy chế Công tác sinh viên. Mỗi lớp biên chế có một tên riêng gắn với ngành, khóa đào tạo và do một GVCV phụ trách. GVCV đảm nhiệm vai trò cố vấn học tập cho sinh viên trong lớp về các vấn đề học vụ, giúp đỡ sinh viên lập kế hoạch học tập trong từng học kỳ và kế hoạch cho toàn bộ khóa đào tạo.

Tổ chức hoạt động của lớp biên chế, vai trò và trách nhiệm của GVCV được quy định rõ trong quy chế Công tác sinh viên của trường Đại học Tôn Đức Thắng.

Điều 10. Xếp hạng năm đào tạo và học lực:

1. Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào khối lượng kiến thức tích lũy, sinh viên được xếp hạng năm đào tạo như sau:

- a) Sinh viên năm thứ nhất: Nếu khối lượng kiến thức tích lũy dưới 30 tín chỉ;
- b) Sinh viên năm thứ hai: Nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 30 tín chỉ đến dưới 70 tín chỉ;
- c) Sinh viên năm thứ ba: Nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 70 tín chỉ đến dưới 110 tín chỉ;
- d) Sinh viên năm thứ tư: Nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 110 tín chỉ đến dưới 150 tín chỉ;
- e) Sinh viên năm thứ năm: Nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 150 tín chỉ trở lên;

2. Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào điểm trung bình chung tích lũy, sinh viên được xếp hạng về học lực như sau:

- a) *Hạng bình thường*: Nếu điểm trung bình chung tích lũy đạt từ 5,00 trở lên.

b) **Hạng yếu:** Nếu điểm trung bình chung tích lũy đạt **dưới 5,00** nhưng chưa rơi vào trường hợp bị buộc thôi học.

3. Kết quả học tập trong học kỳ phụ (hè) được gộp vào kết quả học tập trong học kỳ chính (học kỳ 2) để xếp hạng sinh viên về học lực.

Điều 11. Nghỉ học tạm thời:

1. Sinh viên được quyền viết đơn gửi Hiệu trưởng xin nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp sau:

a) Được điều động vào các lực lượng vũ trang;

b) Bị ốm hoặc tai nạn phải điều trị thời gian dài, nhưng phải có giấy xác nhận của cơ quan y tế;

c) Vì nhu cầu cá nhân. Trường hợp này, sinh viên phải học ít nhất một học kỳ ở trường, không rơi vào các trường hợp bị buộc thôi học quy định tại Điều 12 của Quy chế này và phải đạt điểm trung bình chung tích lũy không dưới 5,00. Thời gian nghỉ học tạm thời vì nhu cầu cá nhân phải được tính vào thời gian học chính thức quy định tại khoản 3 Điều 6 của Quy chế này.

2. Sinh viên nghỉ học tạm thời, khi muốn trở lại học tiếp tại trường, phải viết đơn gửi Hiệu trưởng ít nhất một tuần trước khi bắt đầu học kỳ mới.

Điều 12. Cảnh báo kết quả học tập, buộc thôi học:

1. Cảnh báo kết quả học tập được thực hiện theo từng học kỳ, sinh viên bị **cảnh báo** khi rơi vào các điều kiện sau:

a) Có điểm **trung bình chung học kỳ** đạt **dưới 2,00** đối với học kỳ đầu của khóa học; đạt **dưới 2,50** đối với các học kỳ tiếp theo hoặc đạt **dưới 3,00** đối với 2 học kỳ liên tiếp;

b) Có điểm **trung bình chung tích lũy** đạt **dưới 3,00** đối với sinh viên năm thứ **nhất**; **dưới 3,50** đối với sinh viên năm thứ **hai**; **dưới 4,00** đối với sinh viên năm thứ **ba** hoặc **dưới 4,50** đối với sinh viên các năm tiếp theo và cuối khoá;

2. Sau mỗi học kỳ, sinh viên bị **buộc thôi học** nếu rơi vào một trong các trường hợp sau:

a) Bị cảnh báo kết quả học tập **hai lần liên tiếp** vì rơi vào các trường hợp thuộc khoản 1 Điều này;

b) Vượt quá thời gian tối đa được phép học tại trường quy định tại khoản 3 Điều 6 của Quy chế này;

c) Bị kỷ luật lần thứ hai vì lý do đi thi hộ hoặc nhờ người thi hộ theo quy định tại khoản 3 Điều 33 của Quy chế này hoặc bị kỷ luật ở mức xoá tên khỏi danh sách sinh viên của trường.

3. Chậm nhất là một tháng sau khi sinh viên có quyết định buộc thôi học, trường sẽ ra thông báo gửi về địa phương nơi sinh viên có hộ khẩu thường trú. Trường hợp tại trường sinh viên đã học hoặc tại những trường khác có các **chương trình đào tạo ở trình độ thấp** hơn hoặc

chương trình **giáo dục thường xuyên** tương ứng, thì những sinh viên thuộc diện bị buộc thôi học quy định tại các điểm a, b thuộc khoản 2 của Điều này, được quyền xin xét **chuyển qua các chương trình đó** và được bảo lưu một phần kết quả học tập ở chương trình cũ khi học ở các chương trình mới này. Hiệu trưởng sẽ xem xét quyết định cho **bảo lưu kết quả học tập** đối với từng trường hợp cụ thể.

Điều 13. Chuyển trường:

1. Sinh viên được xét chuyển trường nếu có các điều kiện sau đây:
 - a) Trong thời gian học tập, nếu gia đình **chuyển nơi cư trú** hoặc sinh viên có **hoàn cảnh khó khăn**, cần thiết phải chuyển đến trường gần nơi cư trú của gia đình để thuận lợi trong học tập;
 - b) Xin chuyển đến trường có cùng ngành hoặc thuộc cùng nhóm ngành với ngành đào tạo mà sinh viên đang học;
 - c) Được sự đồng ý của Hiệu trưởng trường và trường xin chuyển đến;
 - d) Không thuộc một trong các trường hợp không được phép chuyển trường quy định tại khoản 2 trong Điều này.
2. Sinh viên không được phép chuyển trường trong các trường hợp sau:
 - a) Sinh viên đã tham dự kỳ thi tuyển sinh theo đề thi chung, nhưng **không trúng tuyển** vào trường hoặc có **kết quả thi thấp hơn** điểm trúng tuyển của trường xin chuyển đến;
 - b) Sinh viên thuộc diện nằm ngoài vùng tuyển quy định của trường xin chuyển đến;
 - c) Sinh viên năm **thứ nhất** và năm **cuối khóa**;
 - d) Sinh viên đang trong thời gian bị kỷ luật từ **cảnh cáo** trở lên.
3. Thủ tục chuyển trường:
 - a) Sinh viên xin chuyển trường phải làm hồ sơ xin chuyển trường theo quy định của nhà trường;
 - b) Hiệu trưởng trường có sinh viên xin chuyển đến quyết định tiếp nhận hoặc không tiếp nhận; quyết định việc học tập tiếp tục của sinh viên, công nhận các môn học mà sinh viên chuyển đến được chuyển đổi kết quả và số môn học phải học bổ sung, trên cơ sở so sánh chương trình ở trường sinh viên xin chuyển đi và trường xin chuyển đến.

Chương III

ĐĂNG KÝ MÔN HỌC

Điều 14. Trách nhiệm của Trường và của sinh viên trong việc đăng ký môn học:

1. Trách nhiệm của trường:
 - Đầu khóa học trường cung cấp cho sinh viên CTĐT ngành học, quy định về công tác học vụ và bố trí GVCN/GVCV cho từng lớp biên chế.

- GVCN/GVCV chịu trách nhiệm quản lý sinh viên, tư vấn xây dựng kế hoạch học tập (KHHT) và thực hiện quá trình học tập theo đúng quy định của trường.
- Trước mỗi học kỳ, trường thông báo cho sinh viên danh sách các môn dự kiến sẽ được giảng dạy trong học kỳ đó và thời khóa biểu của từng môn học tương ứng.

2. Trách nhiệm của sinh viên:

- Sinh viên phải xây dựng KHHT toàn khóa bằng cách liệt kê các môn học cần phải học trong từng học kỳ của khóa học. KHHT phải được GVCV phê duyệt. KHHT là cơ sở để sinh viên có thể đăng ký môn học trong mỗi học kỳ.
- Tất cả sinh viên đều phải thực hiện đăng ký môn học dựa trên KHHT đã được duyệt trước khi học kỳ mới bắt đầu (sinh viên mới trúng tuyển không phải đăng ký môn học cho năm đầu tiên của khóa học).

Điều 15. Khối lượng học tập tối thiểu và tối đa trong mỗi học kỳ:

Khối lượng học tập tối thiểu và tối đa mà mỗi sinh viên phải đăng ký trong mỗi học kỳ được quy định như sau:

- Số tín chỉ tối thiểu cho mỗi học kỳ chính là **14 tín chỉ**, trừ hai học kỳ cuối khóa học, đối với những sinh viên được xếp hạng **từ học lực bình thường trở lên**;
- Số tín chỉ tối thiểu cho mỗi học kỳ chính là **10 tín chỉ**, trừ hai học kỳ cuối khóa học, đối với những sinh viên đang trong thời gian bị xếp hạng **học lực yếu**.
- Không quy định khối lượng học tập tối thiểu đối với sinh viên ở các học kỳ phụ.
- Sinh viên đang trong thời gian bị xếp hạng **học lực yếu** chỉ được đăng ký khối lượng học tập **không quá 20 tín chỉ** cho mỗi học kỳ chính, **học lực trung bình** không đăng ký quá **30 tín chỉ**, **học lực trung bình - khá** không đăng ký quá **35 tín chỉ**, **học lực khá** không đăng ký quá **38 tín chỉ**, **học lực giỏi, xuất sắc** không đăng ký quá **42 tín chỉ**.
- Trong học kỳ hè, sinh viên chỉ được đăng ký khối lượng học tập không vượt quá 18 tín chỉ.
- Trong học kỳ dự thính, sinh viên chỉ được đăng ký khối lượng học tập không vượt quá 09 tín chỉ.
- Việc đăng ký các môn học sẽ học cho từng học kỳ phải bảo đảm điều kiện tiên quyết của từng môn học và trình tự học tập của mỗi chương trình cụ thể.

Điều 16. Quy trình đăng ký môn học:

Bước 1: Sinh viên xây dựng KHHT của mỗi học kỳ bằng cách liệt kê các môn học cần phải học trong học kỳ đó dựa trên CTĐT, danh sách các môn học dự kiến được giảng dạy và tham khảo ý kiến của GVCV. KHHT phải được GVCV phê duyệt.

Bước 2: Sinh viên dựa vào KHHT và thời khóa biểu trong học kỳ do trường công bố để đăng ký môn học qua mạng theo kế hoạch chung.

Bước 3: Trường xử lý kết quả sinh viên đã đăng ký và công bố cho sinh viên kiểm tra, điều chỉnh nếu cần.

Bước 4: Sinh viên nhận kết quả đăng ký môn học và đóng học phí theo đúng thời gian quy định.

Lưu ý:

- Trong khoảng thời gian đăng ký môn học theo kế hoạch chung của nhà trường, sinh viên có thể rút bớt, đăng ký bổ sung những môn học mới thay cho những môn học mà Trường không thể mở được. Sau thời gian trên, kết quả đăng ký môn học của sinh viên sẽ được cố định.
- Sinh viên phải đăng ký đúng những môn học đã đăng ký trong KHHT (ngoại trừ những trường hợp trùng thời khoá biểu), vi phạm điều kiện ràng buộc học phần trước, môn học tiên quyết, sinh viên mới được huỷ bớt môn học đã đăng ký trong KHHT).
- Muốn được rút học phần, sinh viên nộp đơn được GVCV chấp thuận và có xác nhận của cán bộ giảng dạy (CBGD) lớp môn học cho Phòng đào tạo. Những môn học xin rút bớt được nhận điểm rút môn học (R) trong bảng điểm học kỳ.
- Chậm nhất là tuần lễ thứ 8 của học kỳ chính, tuần lễ thứ 2 của học kỳ hè và tuần lễ thứ 4 của học kỳ dự thính nếu thấy khó khăn có thể dẫn đến kết quả kém, sinh viên có thể xin phép rút môn học đã đăng ký nhưng không được hoàn trả lại học phí.
- Trong các học kỳ chính, số môn học còn lại sau khi rút bớt không được dưới số tín chỉ tối thiểu được quy định tại Điều 15 của Quy chế này.
- Sinh viên đã đăng ký môn học nhưng không đi học hoặc không dự thi kết thúc môn học sẽ bị điểm F của môn học đó.

Điều 17. Hủy, mở thêm lớp môn học:

1. Hủy lớp môn học: trường sẽ hủy những lớp môn học có số lượng đăng ký ít hơn số lượng tối thiểu để xem xét mở lớp môn học theo quy định. Trong khoảng thời gian đăng ký môn học, những sinh viên đã đăng ký các môn học bị xóa do không đủ điều kiện mở lớp được phép đăng ký môn học khác để thay thế.

2. Mở thêm lớp môn học: Trong thời gian quy định đăng ký môn học của học kỳ, nếu có nhiều hơn số lượng tối thiểu (để xem xét mở lớp môn học theo quy định) sinh viên có nguyện vọng học và được Khoa/Bộ môn phụ trách môn học đó chấp thuận, trường sẽ mở thêm lớp môn học theo đề nghị.

Điều 18. Đăng ký học lại:

1. Các môn học có điểm F sẽ không được tích lũy. Nếu là môn học bắt buộc sinh viên phải đăng ký học lại những môn học này; Nếu là môn học tự chọn, sinh viên có thể đăng ký học lại

hoặc chọn môn học tự chọn khác. Trong trường hợp sinh viên khi đã tích lũy đủ số tín chỉ của nhóm tự chọn, nếu có môn học không đạt thuộc cùng nhóm tự chọn, sinh viên có quyền nộp đơn đề nghị loại bỏ những môn học có kết quả không đạt để không tham gia vào tính điểm trung bình tích lũy ngành (ĐTBTLN).

2. Đối với các môn học đã tích lũy, sinh viên có thể đăng ký học lại để cải thiện kết quả. Điểm cao nhất trong các lần học sẽ là kết quả cuối cùng của môn học đó.

Điều 19. Học cùng lúc hai chương trình

1. Sinh viên học cùng lúc hai chương trình là sinh viên có nhu cầu đăng ký học thêm một **chương trình thứ hai** để khi tốt nghiệp **được cấp hai văn bằng**.

2. Điều kiện để học cùng lúc hai chương trình:

- Ngành đào tạo chính ở chương trình thứ hai phải **khác** ngành đào tạo chính ở chương trình thứ nhất;
- **Khối thi tuyển sinh** đầu vào của sinh viên **phải đáp ứng** yêu cầu khối thi tuyển sinh của ngành đào tạo chính ở chương trình thứ hai;
- Sinh viên đã **kết thúc học kỳ thứ nhất** năm học đầu tiên của chương trình thứ nhất;
- Sinh viên không thuộc diện xếp hạng **học lực yếu** ở chương trình thứ nhất;
- Sinh viên chỉ được xét học cùng lúc hai chương trình **01 (một)** lần trong suốt khóa học.

3. Thủ tục đăng ký học thêm chương trình thứ hai:

- Sinh viên đăng ký học chương trình thứ hai qua mạng, in đơn “Học ngành thứ hai” từ website, ký tên và nộp tại phòng Đào tạo để trình Hiệu trưởng quyết định.
- Nếu được chấp nhận, sinh viên căn cứ vào KHHT chương trình thứ hai để đăng ký môn học theo chương trình chung của Trường.
- Sau khi tốt nghiệp chương trình thứ nhất, sinh viên mang hồ sơ đã được chấp nhận chương trình thứ hai đến Phòng Đào tạo để làm thủ tục chuyển chương trình đào tạo.

4. Sinh viên học hai chương trình chỉ được hưởng các chế độ quyền lợi đối với chương trình thứ nhất.

5. Thời gian tối đa được phép học đối với sinh viên học cùng lúc hai chương trình là thời gian tối đa quy định cho chương trình thứ nhất, quy định tại khoản 3 Điều 6 của Quy chế này. Khi học chương trình thứ hai, sinh viên **được bảo lưu điểm** của những môn học có nội dung và khối lượng kiến thức tương đương có trong chương trình thứ nhất.

6. Sinh viên đang học thêm chương trình thứ hai, nếu rơi vào diện bị xếp hạng học lực yếu của chương trình thứ hai, phải **dừng học** thêm chương trình thứ hai ở học kỳ tiếp theo.

7. Sinh viên chỉ được xét tốt nghiệp chương trình thứ hai, nếu có đủ điều kiện tốt nghiệp ở chương trình thứ nhất.

Chương IV

ĐÁNH GIÁ MÔN HỌC

Điều 20. Đánh giá môn học:

1. Đối với các môn học chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành: Tùy theo tính chất của môn học, điểm tổng hợp đánh giá môn học (sau đây gọi tắt là điểm môn học) được tính căn cứ vào một phần hoặc tất cả các điểm đánh giá bộ phận, bao gồm: điểm kiểm tra trên lớp; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm đánh giá phần thực hành; điểm chuyên cần; điểm thi giữa học phần; điểm tiểu luận và điểm thi kết thúc môn học, trong đó điểm thi kết thúc môn học là bắt buộc cho mọi trường hợp và có trọng số không dưới 50%.

Việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận và trọng số của các điểm đánh giá bộ phận, cũng như cách tính điểm tổng hợp đánh giá môn học do giảng viên đề xuất, được Hiệu trưởng phê duyệt và được quy định trong đề cương chi tiết của môn học.

2. Đối với các môn học thực hành: Sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của điểm các bài thực hành trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của môn học thực hành.

Điều 21. Tổ chức kỳ thi đánh giá môn học:

1. Trong mỗi học kỳ, trường chỉ tổ chức kỳ thi chính không có kỳ thi phụ bao gồm hai đợt thi tập trung: thi kiểm tra **giữa kỳ**, và thi **kết thúc môn học**.
2. Thời gian dành cho ôn thi mỗi môn học tỷ lệ thuận với số tín chỉ của môn học đó, ít nhất là 1/2 ngày cho một tín chỉ. Hiệu trưởng quy định cụ thể thời gian dành cho ôn thi và thời gian thi cho các kỳ thi.

Điều 22. Ra đề thi, hình thức thi, chấm thi và số lần được dự thi kết thúc môn học:

1. Đề thi kết thúc môn học phải phù hợp với nội dung môn học đã quy định trong chương trình. Việc ra đề thi hoặc lấy từ ngân hàng đề thi được thực hiện theo quy định của Hiệu trưởng.
2. Hình thức thi kết thúc môn học có thể là thi viết (trắc nghiệm hoặc tự luận), vấn đáp, viết tiểu luận, làm bài tập lớn, hoặc kết hợp giữa các hình thức trên. Hiệu trưởng sẽ duyệt các hình thức thi thích hợp cho từng môn học.
3. Việc chấm thi kết thúc các môn học chỉ có lý thuyết và việc chấm tiểu luận, bài tập lớn phải do hai giảng viên đảm nhiệm.

Hiệu trưởng quy định việc bảo quản các bài thi, quy trình chấm thi và lưu giữ các bài thi sau khi chấm. Thời gian lưu giữ các bài thi viết, tiểu luận, bài tập lớn ít nhất là hai năm, kể từ ngày thi hoặc ngày nộp tiểu luận, bài tập lớn.

4. Thời hạn tối đa công bố điểm cho sinh viên là 12 ngày kể từ ngày thi. Các điểm thi kết thúc môn học và điểm đánh giá môn học phải ghi vào bảng điểm theo mẫu thống nhất của trường, có chữ ký của cán bộ coi thi, giảng viên chấm thi, giáo vụ khoa, lãnh đạo khoa và làm thành ba bản.

Một bản (bản chính) gửi về phòng Khảo thí & kiểm định chất lượng của trường trong vòng 07 ngày làm việc, một bản lưu tại Khoa phụ trách môn học và một bản công bố cho sinh viên (khi điểm được công nhận kết quả) sau khi thi kết thúc các kỳ thi tập trung.

Điều 23. Thang điểm đánh giá

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc môn học được cho theo thang điểm 10, làm tròn đến 1 chữ số thập phân. Điểm môn học là tổng các điểm bộ phận, tính theo trọng số quy định, được cho theo thang điểm 10, làm tròn đến 1 chữ số thập phân. Thang điểm hệ 4 chỉ mang tính tham khảo, chuyển đổi khi cần thiết, không dùng để ghi và phân loại kết quả đánh giá. Thang điểm chính thức hệ 10 cùng cách xếp loại kết quả học tập được quy định theo bảng 1:

Bảng 1

Xếp loại		Thang điểm chính thức hệ 10			
Đạt (Tích lũy)	Xuất sắc	từ	9	đến	10
	Giỏi	từ	8	đến cận	9
	Khá	từ	7	đến cận	8
	TB khá	từ	6	đến cận	7
	Trung bình	từ	5	đến cận	6
Không đạt	Yếu	từ	4	đến cận	5
	Kém	từ	0	đến cận	4

- Ngoài các điểm bình thường như trên thì trong bảng điểm còn có một số điểm đặc biệt cho các tình huống học vụ khác nhau được quy định như trong bảng 2.

Bảng 2

Ý nghĩa - Tên điểm	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú - Tính ĐTB và tích lũy
Cấm thi	11	F	Tính như điểm 0 (Xem khoản 1 Điều 24)

Miễn thi (điểm thưởng)	12	X	Ghi chú tạm trong bảng điểm học kỳ, điểm miễn (hệ 10) sẽ do Khoa đề nghị khi hoàn tất thủ tục (Xem khoản 2 Điều 24)
Vắng thi không phép	13	F	Tính như điểm 0
Vắng thi có phép	14	H	Tính chưa tích lũy (Xem khoản 3 Điều 24)
Miễn học (bảo lưu)	15	M	Tích lũy, ghi trong mục bảo lưu và không tính vào ĐTBHK (Xem khoản 4 Điều 24)
Rút môn học	16	R	Không tính điểm (Xem khoản 5 Điều 24)
Hủy môn học	17		Xóa hoàn toàn trong dữ liệu điểm

Điều 24. Các điểm đặc biệt trong bảng điểm

1. "Cấm thi" hay cho "Điểm 11" là hình thức xử lý các sinh viên vì một trong các lý do sau:

- a) Không thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của môn học theo các quy định trong đề cương môn học (vd: phần thí nghiệm trong môn học lý thuyết, phần bài tập lớn, báo cáo, tiểu luận,...);
- b) Vi phạm nghiêm trọng kỷ luật học tập, nội quy học đường, gian dối trong học tập.
- c) Không đảm bảo thời lượng yêu cầu bắt buộc học tập trên lớp được quy định cho từng môn học.

Trong buổi học đầu tiên của môn học, cán bộ giảng dạy công bố cho sinh viên quy định về các phần bắt buộc theo mục (a) – nếu có. Danh sách sinh viên bị cấm thi do cán bộ giảng dạy đề nghị và do bộ môn hoặc Khoa duyệt công bố. Danh sách sinh viên bị cấm thi được bộ phận văn phòng (khoa hoặc phòng Đào tạo) ghi thành điểm F vào bảng ghi điểm chính thức của môn học. Điểm cấm thi kết thúc môn học là điểm tổng kết của môn học.

2. Miễn thi (điểm X) là một hình thức thưởng điểm cho các sinh viên: đăng ký học môn học và đã hoàn thành xuất sắc các phần yêu cầu bắt buộc của môn học; đặc biệt đạt điểm cao trong các kỳ kiểm tra thường xuyên hay các kỳ thi Olympic cấp quốc gia; có đề tài cấp bộ, cấp quốc gia về lĩnh vực trực tiếp liên quan tới môn học. Khi hội đủ điều kiện, cán bộ giảng dạy và đơn vị liên quan làm thủ tục ghi điểm miễn (điểm X) cho sinh viên vào bảng điểm môn học.

Điểm chính thức (hệ 10) ghi cho sinh viên được miễn thi do khoa xét duyệt đề nghị sau khi hoàn tất các thủ tục, điểm (hệ 10) này là điểm tổng kết môn học (điểm cải thiện trong trường hợp đã có điểm trước đó).

3. Điểm "chưa hoàn tất" - sau đây gọi là "Điểm H", được Phòng Đào tạo xét và ra quyết định cấp cho một sinh viên trong kỳ thi tập trung cuối kỳ khi có đủ các điều kiện sau đây:

- Sinh viên đã đăng ký, được xếp thời khóa biểu và hoàn thành các phần bắt buộc của môn học như: đi học đầy đủ, dự các lần kiểm tra, hoàn tất các phần thí nghiệm, thực hành,...;
- Đã nộp đủ học phí của học kỳ tương ứng;
- Không bị cán bộ giảng dạy đề nghị cấm thi.
- Vì một lý do khách quan, bất khả kháng, không thể hoàn thành một phần khối lượng yêu cầu bắt buộc của môn học hoặc thông thường là do vắng ngay trong buổi thi.

a) *Đối với sinh viên có lý do chính đáng phải vắng trong buổi kiểm tra giữa kỳ:*

- Trường hợp có quyết định của trường cử đi thi Olympic, tham dự các chuyên đề ngắn hạn, các hoạt động đoàn thể xã hội,... sinh viên, đơn vị liên quan làm thủ tục hoãn thi để cho phép đăng ký thi lại hoặc khoa xét duyệt đề nghị ghi điểm kiểm tra bằng với điểm thi cuối kỳ (lấy điểm thi là điểm tổng kết môn học).
- Các trường hợp khác, sinh viên nộp đơn xin phép theo trình tự đã quy định Phòng Đào tạo sẽ xét hồ sơ và lấy ý kiến của cán bộ giảng dạy môn học để Phòng Đào tạo tổ chức thi lại trong cùng một học kỳ.

b) *Điểm H được cấp cho cột điểm thi tập trung cuối kỳ theo 02 loại trường hợp sau:*

- Nếu do trùng lịch học, lịch thi hay được cử đi thi Olympic, tham dự các chuyên đề ngắn hạn, các hoạt động đoàn thể xã hội,... thì sinh viên phải làm đơn đề nghị được nhận điểm H ngay khi sự việc phát sinh kèm theo các xác nhận cần thiết, không trễ hơn ngày xin được vắng thi.
- Nếu vì các lý do đột xuất (ốm đau, tai nạn,...) thì sinh viên phải nộp đơn hoặc nhờ người nộp đơn xin điểm H ngay cho phòng Đào tạo kèm theo các hồ sơ chứng cứ liên quan. Các đơn nộp trễ quá 05 ngày tính từ ngày đã phải nghỉ thi (chỉ tính ngày làm việc) được coi là không hợp lệ, sẽ không được xem xét giải quyết điểm H.

Trong thời hạn 01 năm học kế tiếp, sinh viên có quyết định điểm H phải theo dõi lịch học, lịch thi (tất cả các học kỳ kể cả trong học kỳ dự thính) để đăng ký xóa điểm H khi trường có tổ chức đánh giá phần tương ứng của môn học. Sau thời hạn 1 năm này, nếu sinh viên chưa có điểm để đánh giá môn học, điểm H tự động được chuyển thành điểm F.

4. Một môn học A được cho phép miễn học theo diện bảo lưu kết quả (điểm) khi sinh viên đã hoàn tất đạt yêu cầu môn tương đương trong thời gian học để lấy văn bằng thứ nhất của trường.

Việc xem xét miễn học, hoặc chuyển đổi kết quả đối với sinh viên thuộc diện chuyển trường hoặc chuyển từ nước ngoài về sẽ do Hiệu trưởng quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Khoa quản lý môn học. Môn được miễn học trường hợp này được ghi điểm M trong phần điểm bảo lưu (năm ngoài bảng điểm các học kỳ sinh viên học tại trường).

Lưu ý: Do tính độc lập của việc xây dựng giáo trình ở mỗi trường đại học, Trường Đại học Tôn Đức Thắng chỉ xét khoản 4 cho các môn học ***Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Giáo dục quốc phòng, Giáo dục thể chất.***

Đối với các môn học khác, Hiệu trưởng sẽ xem xét và có quyết định căn cứ theo kết quả kiểm tra (thời lượng và kiến thức của sinh viên) của Bộ môn quản lý môn học.

5. Điểm R được phòng Đào tạo xét và ra quyết định cấp cho một sinh viên theo các điều kiện sau:
- Có bản chính kết quả đăng ký môn học – thời khóa biểu của học kỳ;
 - Đã nộp đủ học phí của học kỳ tương ứng;
 - Sinh viên có đơn đề nghị không tham gia đánh giá một hoặc một số môn học trong thời khóa biểu – xin điểm R.

Thời hạn nộp đơn xin nhận điểm R là 8 tuần đầu của học kỳ chính, 2 tuần đầu của học kỳ hè và 4 tuần đầu của học kỳ dự thính, trừ các trường hợp có lý do bất khả kháng có nộp chứng cứ kèm theo. Các cột điểm (nếu có) của môn học đã được cấp quyết định điểm R không tính vào kết quả học tập của sinh viên.

Điều 25. Cách tính điểm trung bình chung:

Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

A là điểm trung bình chung học kỳ hoặc điểm trung bình chung tích lũy

a_i là điểm của môn học thứ i

n_i là số tín chỉ của môn học thứ i

n là tổng số học phần.

Điểm trung bình chung học kỳ để xét khen thưởng sau mỗi năm học chỉ tính theo kết quả thi kết thúc môn học ở lần thi thứ nhất. Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy để xét học vụ, xếp hạng học lực sinh viên và xếp hạng tốt nghiệp được tính theo điểm thi kết thúc môn học cao nhất trong các lần thi.

Điều 26. Số tín chỉ tích lũy và điểm trung bình tích lũy:

1. **Số tín chỉ tích lũy (STCTL)** là tổng số tín chỉ của các môn học sinh viên đã đăng ký, đã học và có điểm tổng kết đạt yêu cầu (kể cả các môn học được bảo lưu, miễn học, miễn thi). STCTL được tính 01 lần cho mỗi mã số môn học có điểm đạt (cũng chỉ tính 1 lần cho các môn học cải thiện điểm) và tính cả các môn học được bảo lưu – điểm X.

2. **Điểm trung bình tích lũy (ĐTBTL)** là điểm trung bình có hệ số (số tín chỉ của học phần) của tất cả điểm tổng kết các môn học mà sinh viên đã học kể từ khi nhập học cho đến thời điểm tính bao gồm cả các môn học được bảo lưu và có điểm. Đối với môn học mà sinh viên học và có điểm tổng kết nhiều lần, trường sẽ lấy điểm cao nhất (đạt hoặc không đạt) mà sinh viên có (trong số các lần học) để tính ĐTBTL. ĐTBTL tính theo thang điểm 10 và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân. Khi tính ĐTBTL thì không tính các điểm đặc biệt H, M, X, R.

3. **Số tín chỉ tích lũy ngành (STCTLN)** là tổng số tín chỉ tích lũy của các môn học thuộc CTĐT ngành (kể cả các môn học tương đương hoặc thay thế cho môn học có trong CTĐT ngành).

4. **Điểm trung bình tích lũy ngành (ĐTBTLN)** là điểm trung bình có hệ số của các môn học có trong CTĐT ngành (kể cả các môn học tương đương hoặc thay thế cho môn học có trong CTĐT ngành).

ĐTBTL và STCTL là chỉ số để đánh giá chung về tiến độ học tập và học lực của sinh viên – chỉ số để xếp hạng kết quả học tập trong quá trình học tại trường. ĐTBTLN và STCTLN dùng để đánh giá mức độ hoàn thành CTĐT và là cơ sở để xếp hạng khi tốt nghiệp.

Điều 27. Phúc tra và khiếu nại điểm:

Để phúc tra bài thi, sinh viên nộp đơn yêu cầu cho Khoa quản lý môn học trong thời gian 7 ngày kể từ ngày điểm được công bố trên trang website của trường.

Trong trường hợp nhận thấy điểm chấm bằng máy (trắc nghiệm, thi trên máy) quá khác biệt với đánh giá bản thân, sinh viên có thể nộp đơn yêu cầu phòng Khảo thí & Kiểm định chất lượng kiểm tra lại dữ liệu chấm bài thi.

Khi phát hiện có bất cứ sự khác biệt nào giữa bảng ghi điểm đã công bố và điểm được nhập, lưu trữ trong hệ thống quản lý học vụ, sinh viên có trách nhiệm thông báo và yêu cầu phòng Đào tạo kiểm tra lại các cột điểm tương ứng.

Điều 28. Thông báo điểm và xác nhận kết quả học tập:

Các bản sao bảng ghi điểm môn học được sẽ công bố cho sinh viên (chỉ sau khi điểm đã được công nhận) để kiểm tra & đối chiếu tại các bảng thông báo của khoa quản lý môn học theo phân cấp của trường. Bản gốc bảng ghi điểm được lưu tại phòng Khảo thí & Kiểm định chất lượng, các cột điểm được phòng Đào tạo cập nhật vào cơ sở dữ liệu của trường. Sinh viên có thể theo dõi trên trang website của Trường để biết kết quả học tập của mình.

Ngay khi có đầy đủ kết quả đánh giá các môn học trong học kỳ, sinh viên có thể xem được bảng tổng hợp kết quả đánh giá tất cả các môn đã đăng ký học để tự kiểm tra theo các bảng ghi điểm đã dán thông báo. Bảng tổng hợp này còn có thông tin về điểm trung bình học tập, số tín chỉ tích lũy để sinh viên kiểm tra, theo dõi tiến độ học tập của bản thân.

Sau mỗi học kỳ trường gửi tin nhắn SMS cho **phụ huynh** sinh viên **bảng thông báo kết quả học tập, khen thưởng, kỷ luật và xử lý học vụ** (nếu có) của từng sinh viên.

Trong quá trình học, sinh viên có quyền đề nghị phòng Đào tạo trường cấp bằng điểm chính thức của một hay nhiều học kỳ đã học để phục vụ các mục đích riêng. Bảng điểm này ghi kết quả học tập (đạt hoặc không đạt) của tất cả các môn học mà sinh viên có đăng ký trong học kỳ.

Sinh viên tốt nghiệp được cấp bằng điểm tốt nghiệp là kết quả của toàn bộ quá trình học tập của sinh viên tại trường.

Chương V

XÉT VÀ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

Điều 29. Làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp hoặc thi các học phần chuyên môn:

1. Sinh viên khi hội đủ các điều kiện làm tốt nghiệp được quy định cụ thể cho từng ngành học, không bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập hoặc không bị truy cứu trách nhiệm hình sự sẽ được nhà trường xét cho làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp hoặc thi các học phần chuyên môn.

a) Đồ án, khóa luận tốt nghiệp: áp dụng cho sinh viên đạt mức quy định của trường và được xem như là 1 học phần có khối lượng không quá 14 tín chỉ cho trình độ đại học và 5 tín chỉ cho trình độ cao đẳng (Hiệu trưởng sẽ quy định khối lượng cụ thể phù hợp với yêu cầu đào tạo của trường)

b) Hình thức học và thi các học phần chuyên môn: được áp dụng cho những sinh viên không được giao làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp. Việc học các học phần chuyên môn sẽ được Hiệu trưởng quy định trong chương trình đào tạo từng ngành. Các học phần chuyên môn sẽ được tổ chức đào tạo, kiểm tra và đánh giá như các học phần khác trong chương trình đào tạo.

2. Tùy theo điều kiện của trường và đặc thù của ngành đào tạo, Hiệu trưởng quy định:

- a) Các điều kiện sinh viên cần đạt để được thực hiện và bảo vệ đồ án, khóa luận tốt nghiệp.
- b) Nhiệm vụ của giảng viên hướng dẫn, trách nhiệm của Bộ môn và Khoa trong việc hướng dẫn sinh viên cũng như trong việc chấm và tổ chức bảo vệ đồ án, khóa luận tốt nghiệp, chấm thi các học phần chuyên môn, ...
- c) Việc đánh giá mỗi đồ án, khóa luận tốt nghiệp phải do ít nhất 2 giảng viên đảm nhiệm.

Điều 30. Xét và công nhận tốt nghiệp:

Sinh viên được công nhận và cấp bằng tốt nghiệp hệ chính quy theo ngành đào tạo chính (đơn ngành hoặc song ngành) nếu hội đủ các điều kiện sau đây:

- Được công nhận là sinh viên hệ chính quy tập trung của trường theo đúng ngành cấp bằng;
- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập hoặc không bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
- Có các chứng chỉ giáo dục quốc phòng và chứng chỉ giáo dục thể chất;
- Hoàn tất toàn bộ CTĐT của ngành/chuyên ngành, có đủ số tín chỉ tích lũy qui định cho khóa ngành đào tạo và có ĐTBTLN **không dưới 5,00**.
- Có đơn gửi phòng Đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm so với thời gian thiết kết của khóa học

Mỗi học kỳ chính; Hội đồng xét tốt nghiệp trường họp 01 lần để tiến hành xem xét và thông qua danh sách những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp. Dựa trên đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Hiệu trưởng ra quyết định công nhận tốt nghiệp. Sinh viên tốt nghiệp được nhận bằng tốt nghiệp đại học, cao đẳng chính quy và bảng điểm tốt nghiệp. Bảng điểm tốt nghiệp chỉ có giá trị đi kèm văn bằng. Trong bảng điểm tốt nghiệp ghi chi tiết tất cả kết quả học tập của sinh viên qua từng học kỳ học tại trường, các thông tin về chuyên ngành, chuẩn đầu ra & thành tích khác (nếu có).

Những sinh viên có kết quả học tập và rèn luyện thỏa mãn các điều kiện quy định trên sẽ được công nhận tốt nghiệp và được cấp bằng tốt nghiệp theo đúng ngành đã được đào tạo. Trên bằng có ghi rõ: **ngành đào tạo, loại hình đào tạo chính quy và hạng tốt nghiệp**. Việc xếp loại thứ hạng tốt nghiệp tuân theo quy định tại Điều 23 của quy chế này.

Thứ hạng tốt nghiệp của những sinh viên có kết quả học tập toàn khóa đối với loại, **thứ hạng tốt nghiệp sẽ bị giảm đi một mức** nếu bị rơi vào một trong các trường hợp sau đây:

- Có số môn học phải **thi lại vượt quá 10%** so với tổng số môn học quy định cho toàn khóa học.
- Đã bị kỷ luật trong thời gian học từ mức **cảnh cáo** ở cấp trường trở lên.